

Diễn tiến tín ngưỡng Tứ Pháp qua các triều đại

ISSN: 2734-9195 09:55 26/11/2025

Chùa Dâu và các chùa Tứ Pháp mặc dù vẫn có đầy đủ hệ thống tượng Phật, nhưng trên đàn thờ của Tứ Pháp vẫn luôn riêng biệt.

Tác giả: **Nguyễn Xuân Diện**
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Tóm tắt: Tín ngưỡng Tứ Pháp là tín ngưỡng cổ xưa của dân tộc. Từ nguồn gốc Ấn Độ giáo thông qua câu chuyện nhà sư Ấn Độ và cô gái Man Nương người Việt, vào khoảng thế kỷ II, tín ngưỡng Tứ Pháp đã hình thành và được bản địa hóa mạnh mẽ, thành các 4 vị Pháp Vân – Pháp Vũ – Pháp Lôi – Pháp Điện. Trung tâm của tín ngưỡng Tứ Pháp là chùa Dâu, vùng Dâu, thành Luy Lâu thời Bắc thuộc. Tại đây, từ 2000 năm nay, tín ngưỡng thờ Tứ Pháp được duy trì trong 5 ngôi chùa cổ, với đàn thờ và nghi lễ riêng. Trải các triều đại, tín ngưỡng Tứ Pháp có vị thế là một tín ngưỡng độc lập, độc đáo và có một diễn tiến khá đặc biệt. Bài viết này, dựa trên các tài liệu Hán Nôm (thư tịch, bi ký) được tổng hợp phân tích để phác họa lại diễn tiến của tín ngưỡng Tứ Pháp qua các triều đại, bao gồm sự ghi nhận của triều đình thông qua sắc phong và lễ rước về kinh thành, thơ văn và bi ký, in ấn kinh sách và tổ chức lễ hội lễ rước.

Từ khóa: Tứ Pháp, Tín ngưỡng, Pháp Vân, Truyện Man Nương,

Mở đầu

Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp là tín ngưỡng cổ xưa của dân tộc. Lưu truyền trên một phạm vi không rộng lớn về mặt địa lý, tín ngưỡng Tứ Pháp hiện có 37 điểm di tích[1] được phân bố như sau: Bắc Ninh (5 di tích), Hà Nội (5 di tích), Hưng Yên (21 di tích), Hà Nam (4 di tích), Bắc Giang (2 di tích). Tuy nhiên, tín ngưỡng Tứ Pháp ngay từ khi mới hình thành đã được thư tịch ghi chép, trải qua nhiều thế kỷ đã hình thành một khối lượng văn tự lớn và phong phú hiện còn lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Thông tin KHXH và các địa phương có di tích thờ phụng. Thông qua các tài liệu thư tịch, bi ký,

1. Tín ngưỡng Tứ Pháp thời Lý -Trần

Thời Lý - Trần, tín ngưỡng Tứ Pháp được Phật giáo hóa mạnh mẽ, và để lại nhiều ghi chép cho thấy nhà nước quân chủ rất coi trọng tín ngưỡng Tứ Pháp.

Trung tâm của tín ngưỡng Tứ Pháp là chùa Dâu (Diên Ứng tự) dưới thời Lý vẫn giữ vai trò là một chốn tùng lâm thường là nơi nhà vua và triều thần lui tới cầu đảo của mỗi khi gặp thiên tai.

Phật giáo Việt Nam thời Lý - Trần đã có nhiều tông phái như Thiền Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông, Thảo Đường, trong đó 2 phái Thiền tông có ảnh hưởng bao trùm là phái Thảo Đường (do Lý Thánh Tông sáng lập, trụ sở là chùa Trấn Quốc ở Thăng Long) và phái Trúc Lâm Yên Tử với ba vị tổ sáng lập và truyền thừa là Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang.

Dưới triều Trần, chùa Dâu không còn giữ được vị trí của một trung tâm Phật giáo lớn như trước đó. Tuy vậy, chùa Dâu vẫn được tu sửa quy mô lớn, trong đó sự kiện được nhắc đến nhiều nhất vẫn là việc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi hưng công trùng tu chùa. Hiện nay, tại chùa Dâu còn thờ bức tượng Mạc Đĩnh Chi. Di vật còn lại có lẽ còn đôi rồng đá mang phong cách thời Trần. Đại Nam nhất thống chí, phần địa chí Tỉnh Bắc Ninh, mục Chùa Quán có ghi về chùa Diên Ứng: “Chùa Diên Ứng: Ở xã Khương Tự huyện Siêu Loại. Trong chùa có bốn pho tượng: Pháp Lôi, Pháp Điện, Pháp Vũ, Pháp Vân rất linh ứng. Đời Trần, Mạc Đĩnh Chi làm chùa 100 gian, tháp chín tầng và cầu chín nhịp, nay vẫn còn”[2] và có thông tin về việc “Vua Trần Nghệ Tông cho mỹ hiệu”.



Bộ tượng Phật Tứ Pháp vùng Dâu (từ trái qua phải, từ trên xuống dưới): Pháp Vân (Bà Dâu), Pháp Vũ (Bà Đậu), Pháp Điện (Bà Dàn), Pháp Lôi (Bà Tướng)

2. Tín ngưỡng Tứ Pháp thời Lê - Tây Sơn - Nguyễn

Thời Lê - Nguyễn, các triều đại đã thực sự lấy Nho giáo làm nền tảng tư tưởng - chính trị để cai trị xã hội. Lấy nền tảng Nho giáo làm chủ đạo. Vì vậy việc Nho giáo hóa xã hội trở nên mạnh mẽ và quán xuyến từ trung ương đến địa phương, từ chính trị đến tôn giáo tín ngưỡng. Tín ngưỡng Tứ Pháp trong bối cảnh nho giáo hóa mạnh mẽ cũng đã có những diễn biến và diện mạo mới.

Từ thời Lý - Trần, tín ngưỡng Tứ Pháp có những bổ sung mới về yếu tố văn hóa Nho giáo, do triều đình chủ trương tư tưởng Nho giáo. Điều này thể hiện rõ qua

việc cầu đảo, lễ bái, trùng tu xây sửa đình, chùa thờ Tứ Pháp.

Việc đánh giá và coi trọng tín ngưỡng Tứ Pháp và Phật Man Nương thể hiện rõ nhất trong văn bản thần sắc. Chúng tôi tiếp cận các văn bản thần sắc đang được lưu trữ tại VNCHN (phân kho AD) và Viện Thông tin KHXH (kho TTTS).

Thần hiệu, Phật hiệu

- Pháp Vân có các thần hiệu, Phật hiệu: Đại Thánh Pháp Vân... Tối Linh Phật, Đại Thánh Pháp Vân Phật, Pháp Vân Phật Thượng đẳng thần, Đại Thánh Pháp Vân Bồ Tát, Pháp Vân Đại Bồ Tát, Pháp Vân Thượng đẳng thần, Đại Thánh Pháp Vân tôn thần.

- Pháp Vũ có các thần hiệu, Phật hiệu: Đại Thánh Pháp Vũ Bồ Tát, Đại Thánh Pháp Vũ tôn thần, Nam Mô Phấn Tấn Như Lai Pháp Vũ Đức Phật, Đại Thánh, Thượng đẳng thần, Đại Thánh Pháp Vũ Thượng đẳng thần, Pháp Vũ Thánh Bảo Đại Vương.

- Pháp Lôi có các thần hiệu, Phật hiệu: Pháp Lôi Đại Bồ Tát, Pháp Lôi Bồ Tát Phật, Pháp Lôi Phật Thượng đẳng thần, Đại Thánh Pháp Lôi Phật Thượng đẳng thần.

- Pháp Điện có các thần hiệu, Phật hiệu: Pháp Điện Phật Thượng đẳng thần,

- Lôi Điện có thần hiệu là Thành hoàng Lôi Điện chi thần, Lôi Điện tôn thần,

- Thiên Lôi Đại Vương được phong là Đương cảnh Thành hoàng, Thiên Lôi chi thần, Thiên Lôi Đại Vương tôn thần.

- Lôi Công được phong là Đương cảnh Thành hoàng Lôi Công Đại vương.

Như vậy, Pháp Vân vừa là Phật, là Thánh, là Bồ Tát. Pháp Vũ vừa là Bồ Tát, Đức Phật, Thần, Thánh, Đại Vương. Pháp Lôi vừa là Bồ Tát, là Thần. Pháp Điện vừa có danh xưng là Phật, vừa là Thần.

Tứ Pháp gồm các vị thần Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện ứng với các hiện tượng tự nhiên mây, mưa, sấm, chớp có vai trò quan trọng trong xã hội nông nghiệp. Các vị Tứ Pháp vừa là Phật, vừa là Bồ Tát, vừa là Thần phù hộ cho người nông dân. Tín ngưỡng Tứ Pháp là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam thể hiện mong muốn của người dân mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, cuộc sống no đủ. Vì vậy, trong tâm thức của người Việt Nam xưa, việc cầu mưa, cầu tạnh đóng vai trò quan trọng không chỉ đối với nông nghiệp mà còn liên quan tới vận mệnh, an nguy của xã tắc.

Tín ngưỡng Tứ Pháp từ trung tâm Phật giáo Luy Lâu, tỉnh Bắc Ninh và xã Lạc Hồng huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên mà lan rộng ra các tỉnh Hà Nam, Hà Đông, Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình. Sự linh ứng của Tứ Pháp không chỉ ở việc cầu mưa, cầu tạnh mà cầu xin bệnh tật, côn trùng, cầu tự, nuôi trồng, vận nước... đều ứng nghiệm. Điều đó cho thấy sức ảnh hưởng to lớn của tín ngưỡng Tứ Pháp đối với triều đình và người dân trong lịch sử.

Dưới thời Lê - Nguyễn, tình hình xây dựng, trùng tu và kiến trúc của những ngôi chùa thuộc hệ thống Tứ Pháp được hệ thống tư liệu văn khắc (văn bia, chuông, khánh) ở chùa Dâu và các chùa khác trong hệ thống Tứ Pháp ghi chép rất nhiều.

Chùa Dâu (Diên Ứng tự) xã Khương Tự, tổng Khương Tự, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) có tấm bia dựng vào năm Tự Đức thứ 3 (1850) vẫn khắc lại một sắc chỉ của chúa Trịnh ở thời Lê Trung hưng. Đó là bia Sắc chỉ Cổ Châu Diên Ứng tự [] (N02783/2784). Các lần trùng tu, tôn tạo, các khoản công đức, hưng công đều có các văn bia ghi lại.

Ngoài ra, rất nhiều bia ghi lại công đức xây dựng chùa, hành lang, nội điện như:

- Bia Hậu Phật bi ghi bà Man Thị Thượng hiệu Diệu Viên có công tu tạo điện Lưu Ly. Đặc biệt là tấm bia Cổ Châu tự Hậu Phật bi [] (N02781/2782) niên đại Cảnh Hưng 24 (1763) ghi tên một Tiến sĩ cúng hậu vào chùa: Thừa tướng công người xã Diên Trì, huyện Chí Linh, Hải Dương tên là Trần Thiệu (húy Cảnh) năm 35 tuổi đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Tuất, trải qua bốn Bộ Công, Hình, Binh, Lễ bộ Thượng thư. Năm 73 tuổi xin nghỉ hưu, năm 75 tuổi qua đời, ngày 6 tháng 4 hàng năm là ngày giỗ hậu của ông.

- Bia Chiêu Ứng thiên tự hưng công thạch bi [] (N03142/3143), dựng năm Chính Hòa thứ 20 (1699) cho biết: Các quan viên hương lão, thiện nam, tín nữ cùng toàn thể nhân dân xã Đông Côi họp bàn bạc đóng góp tiền của, công sức để tu sửa lại chùa Chiêu Ứng, xã Đông Côi, huyện Gia Định, phủ Thuận An (Bắc Ninh).

- Bia Diên Ứng đại thiên tự bi ký [] (N02752/2753/2754/2755), dựng năm Vĩnh Thịnh thứ 12 (1716) cho biết: Gia đình ông Chánh đội trưởng Lung Vũ hầu Cao Đình Thuế và bà Nguyễn Thị Khúc tự xuất tiền của và đứng ra tổ chức quyên góp để tu sửa lại một dãy trung đường, tiền đường gồm 7 gian 2 chái của chùa Diên Ứng.

- Bia Hậu Phật bi ký□□□□ (N010013/10014), dựng năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756) cho biết: Chùa Pháp Vân ở xã Liêu Trung, huyện Đường Hào là nơi danh lam thắng cảnh nhưng trải qua cơn binh hoả nên bị đổ nát. Năm Quý Dậu, Loan Trung Bá Nguyễn Vũ Bản cùng vợ Nguyễn Thị Hậu là người ở trong xã đã cúng 100 quan tiền, 6 mẫu 1 sào ruộng để làng tu sửa lại chùa.

- Bia Trùng tu Pháp Vân tự bi ký□□□□□□ (N010022/10023), dựng năm Cảnh Hưng thứ 16 (1755) cho biết: Chùa Pháp Vân ở xã Liêu Trung, huyện Đường Hào, là nơi danh lam cổ tích rất linh ứng. Do trải qua binh hỏa nên đã bị đổ nát, dân xã định tu sửa lại nhưng không có tiền. Trước tình hình đó các vị cung tần, vương tôn ở bản xã đã cúng tiền bạc, ruộng đất để giúp làng tu sửa lại thượng điện, gác chuông, hai bên hành lang, hậu phòng, tượng phật, v.v...

Tóm lại, Tứ Pháp là một tín ngưỡng cổ cổ xưa tại châu thổ Bắc Bộ của Việt Nam, được thờ phổ biến từ sau Công nguyên ở vùng Dâu – thành Luy Lâu, sau mở rộng ra các vùng lân cận và diễn tiến qua các triều đại các thời kì bao phủ nhiều lớp văn hóa. Nếu nhìn từ góc độ không gian, thì có thể thấy nguồn gốc Ấn Độ của hệ thống Tứ Pháp có ảnh hưởng giáo đậm nhạt khác nhau và niên đại sớm muộn khác nhau giữa vùng trung trung tâm Dâu ở Bắc Ninh và các chùa vùng phụ cận ngoài Bắc Ninh.

Diễn tiến tín ngưỡng Tứ Pháp từ giai đoạn tiếp nhận yếu tố Ấn Độ giáo với huyền tích Phật Man Nương và Khâu Đà La. Được sự tiếp nhận của người Việt, các yếu tố đó được bản địa hóa và diễn biến một cách hết sức tự nhiên. Trải qua xã hội Lý - Trần, Tứ Pháp mang đậm tinh thần Phật giáo và có đời sống của văn hóa Phật giáo. Đến thời Lê - Nguyễn, khi Nho giáo được đề cao, yếu tố Nho giáo lại tác động mạnh mẽ, khiến Tứ Pháp, vốn là các vị thần, được thờ tự như Phật, lại thành các vị thánh và không còn thuần thành như các vị Phật, mà xen kẽ giao thoa nhiều vai trò tâm linh. Đến nay Tứ Pháp tuy được thờ như những vị Phật, nhưng thiên về vai trò của các vị thần, hay nâng cao hơn là các thần thánh.

Bài trí điện thờ Tứ Pháp khác biệt với chùa Phật thông thường, điều khắc tượng thờ Tứ Pháp (từ màu sắc khuôn diện đến nét điêu khắc) khác với truyền thống điêu khắc tượng Phật khiến cho các di tích thờ Tứ Pháp mang một dáng vẻ tâm linh rất khác biệt và lạ. Điều đó lý giải vì sao trong thế giới tâm linh người Việt, chùa Dâu không cầu cúng rầm rộ như các nơi khác, mà ở Dâu có chút âm u lạnh lẽo, thiên về sự chiêm ngưỡng kính phụng quyền năng siêu nhiên của các thần thánh. Bốn vị Tứ Pháp được dân chúng gọi là bà, cũng là bốn vị thần nữ, bốn vị thánh nữ, xuất phát từ sự tôn kính, sùng chuộng thánh mẫu trong tâm lý người Việt. Đến chùa Dâu không gian tĩnh mịch vắng vẻ cũng bởi sự tiếp nhận đan

xen yếu tố ngoại lai, những yếu tố này giống như Đạo giáo, đều dựa vào Phật để hòa nhập vào dân gian, khiến cho tín ngưỡng Tứ Pháp gia nhập vào gia đình Phật giáo, để đi dễ được đón nhận và đi sâu vào đời sống tâm linh dân chúng. Từ đó Tứ Pháp tích hợp những lớp văn hóa đan xen Nho - Phật - Đạo và tín ngưỡng bản địa.

Ngoài việc đưa hệ thống tượng Phật vào các chùa thờ Tứ Pháp, ta có thấy sự xuất hiện của hàng loạt bản in về sự tích Tứ Pháp như Cổ Châu lục, Cổ Châu hạnh, Cổ Châu nghi; hình thành thư tịch, bia ký, thi ca về Tứ Pháp. Các nhà Nho đã đem tinh thần Nho Giáo vào tín ngưỡng Tứ Pháp ở các chiều kích khác nhau.

Thời Lê Trung Hưng, vai trò của các ông hoàng bà chúa cả hai họ Lê - Trịnh đều rất lớn đối với các việc trùng tu, tôn tạo các cơ sở thờ tự như chùa, đền. Thế lực của các ông hoàng bà chúa còn tác động đến triều đình để xin ban cấp các lệnh chỉ[3], sắc phong cho các ngôi chùa mà chính họ đã từng góp công của sửa chữa, tôn tạo.

Văn bia Pháp Vũ tự Tạo lệ bi/Khoán ước tịnh điền kí 法武寺造立碑記 / (N07854/7855), khắc năm Thịnh Đức thứ 4 (1656) dựng tại chùa Pháp Vũ, xã Gia Phúc, tổng La Phù, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông[4] cho biết: Chùa Pháp Vũ danh lam thắng tích ở xã Gia Phúc trải các đời được nhiều bậc đế vương tu tạo nguy nga tráng lệ. Nay hai bà Chính Vương phủ nội cung tần Phan Ngọc Tiếng hiệu Diệu Đăng và Chính Vương phủ nội cung tần Lê Ngọc Côi hiệu Chân Kính có ước nguyện được quy y tại chùa, nên đã xin với bề trên ra lệnh chỉ cho phép dân xã Gia Phúc được làm dân tạo lệ, vĩnh viễn thờ phụng hai bà tại chùa Pháp Vũ. Bia khắc nguyên văn tờ lệnh dụ của chúa Trịnh và các điều cam kết thờ phụng của dân xã Gia Phúc.

Văn bia Hậu Phật bi kí 後佛碑記 (N02762), khắc năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) dựng tại chùa Diên Ứng, xã Khương Tự, phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh[5] cho biết: Chùa Diên Ứng là một danh lam cổ tích, tương truyền là nơi Phật mẹ Phật con xuất thế, cầu đảo rất linh thiêng ứng nghiệm. Vì thế từ đời trước triều đình đã cho xã làm dân tạo lệ để thờ phụng. Nhưng trải thời kì binh hỏa, lệ cũ bị lãng quên. Tháng 12 năm nay, có ông Tổng Thái giám Thuận Triều hầu họ Mẫn tự Đức Hiệp, người xã Trác Bút huyện Yên Phong, có quê ngoại tại bản xã đã thay dân làm tờ khai dâng lên, nhờ đó mới nhận được lệnh chỉ của triều đình cho phép dân xã được làm tạo lệ như trước và hàng năm được miễn 50 suất phu dịch. Dân làng biết ơn, tôn bầu vợ chồng ông làm Hậu Phật, tạc tượng gỗ đặt trong chùa để thờ phụng, qui định lệ cúng giỗ hàng năm.



Chùa Dâu. Ảnh: St

3. Tín ngưỡng Tứ Pháp tại vùng Dâu và sự lan tỏa

Năm 1944, Nguyễn Văn Huyền trong bài thuyết trình tại Bảo tàng Louis Finot về đề tài “Chống hạn trong tập quán Việt Nam”[6] cho biết “theo điều tra của tôi ở Bắc Kỳ, hiện nay có 39 làng có đền thờ chính thờ một trong bốn vị thần được gọi chung Tứ Pháp (bốn vị nữ thần) và tục thờ Pháp Vũ tại các đền thờ, trọng tâm là Siêu Loại và Thường Tín”.

Để có được thống kê 39 làng thờ Tứ Pháp, chắc chắn Nguyễn Văn Huyền dựa vào các hồ sơ của Viện Viễn Đông bác cổ Pháp, nơi ông làm việc. Hồ sơ lưu trữ liên quan đến phong tục và tín ngưỡng của Viễn Đông Bác cổ Pháp có hai mảng quan trọng nhất là Thần tích (AE), và Thần sắc (AD) hiện lưu giữ tại VNCHN và Hồ sơ mang ký hiệu TTTS hiện lưu giữ tại Viện Thông tin KHXH.

Về thần tích: Từ bảng kê, 28 văn bản thần tích Tứ Pháp viết bằng chữ Hán Nôm, phân bố số lượng không đồng đều. Trong đó, địa phương hiện còn nhiều văn bản thần tích Tứ Pháp nhất là tỉnh Hưng Yên 17/28 văn bản, sau đó là tỉnh Hà Nam 7/28 văn bản, Bắc Ninh và Hà Đông cùng có 1/28 văn bản.

Về thần sắc: Từ bảng kê Thần sắc (AD), cho thấy Bắc Ninh 20/104 đạo, Hà Đông 36/104 đạo, Hải Dương 3/104 đạo, Hưng Yên 33/104 đạo, Nam Định 11/104 đạo, Ninh Bình 2/104 đạo. Như vậy, tỉnh Hà Đông và tỉnh Hưng Yên hiện có nhiều văn bản thần sắc Tứ Pháp nhất. Hiện nay hai kho thần tích của VNCHN và Viện Thông tin KHXH (Thư viện Khoa học trung ương trước đây) không tìm thấy văn bản thần tích Tứ Pháp viết bằng chữ Hán Nôm của tỉnh Hải Dương và Ninh Bình.

Tuy nhiên, thần sắc Tứ Pháp của tỉnh Hải Dương lại có 3 đạo, tỉnh Ninh Bình 2 đạo, chứng tỏ các vị thần Tứ Pháp cũng đã từng được thờ cúng ở tỉnh này.

Vùng Dâu (Luy Lâu) là khởi phát của tín ngưỡng thờ Tứ Pháp. Đây là trung tâm kinh tế, văn hóa và cũng là trung tâm Phật giáo sớm nhất của nước. Lịch sử hình thành và phát triển của tín ngưỡng thờ Tứ Pháp trải qua nhiều thế kỷ và đã lan tỏa ra các vùng đồng bằng Bắc Bộ: Hà Nội, Hưng Yên, Hà Nam, v.v... Theo sơ bộ thống kê bước đầu của chúng tôi, hiện nay có 37 di tích thờ Tứ Pháp đều thuộc khu vực đồng bằng Bắc Bộ: Bắc Ninh (5 di tích), Hà Nội (5 di tích), Hưng Yên (21 di tích), Hà Nam (4 di tích), Bắc Giang (2 di tích). Để giúp người đọc có cái nhìn tổng quan hơn về sự phân bố các di tích này, chúng tôi xin lập bảng thống kê dưới đây.

Bảng 4: Bảng thống kê số di tích thờ Tứ Pháp ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ

Tỉnh (TP)	Tên chùa	Địa chỉ	Nhân vật thờ
1. Bắc Giang (2 di tích)	Chùa Pháp Lôi	Xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa	Tứ Pháp
	Đình Hậu	Xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa	Pháp Lôi
2. Bắc Ninh (5 di tích)	Chùa Dâu (Diên Ứng, Cổ Châu, Thiền Định)	Xã Thanh Khương, thị xã Thuận Thành	Pháp Vân (Bà Dâu)
	Chùa Đậu (Thành Đạo)	Xã Thanh Khương, thị xã Thuận Thành	Pháp Vũ (Bà Đậu)
	Chùa Tướng (Phi Tướng Đại Thiền tự)	Xã Thanh Khương, thị xã Thuận Thành	Pháp Lôi (Bà Tướng)
	Chùa Dàn (Xuân Quang)	Xã Trí Quả, thị xã Thuận Thành	Pháp Điện (Bà Dàn)
	Chùa Tổ Mãn Xá (Phúc Nghiêm)	Xã Hà Mãn, thị xã Thuận Thành	Man Nương
3. Hà Nội (5 di tích)	Chùa Keo (Sùng Nghiêm)	Xã Kim Sơn, Gia Lâm	Pháp Vân (Bà Keo)
	Chùa Nành	Ninh Hiệp, Gia Lâm	Pháp Vân (Bà Nành)
	Chùa Sét (Đại Bi)	Xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì (nay là phường Giáp Lục, quận Hai Bà Trưng)	Pháp Vân
	Chùa Pháp Vân	Xã Văn Bình, Thường Tín	Pháp Vân
	Chùa Thành Đạo	Xã Nguyễn Trãi, Thường Tín	Pháp Vũ
4. Hưng Yên (21 di tích)	Chùa Thái Lạc	Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm	Pháp Vân
	Chùa Hồng Cầu	Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm	Pháp Vũ
	Chùa Nhạc Miếu	Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm	Pháp Lôi
	Chùa Hồng Thái	Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm	Pháp Điện
	Chùa Pháp Vân	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm	Pháp Vân
	Chùa Hoằng	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm	Pháp Vũ
	Chùa Hương Đạo	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm	Pháp Lôi
	Chùa Tân Nhuế	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm	Pháp Điện
	Chùa Pháp Lôi	Xã Đình Dù, huyện Văn Lâm	Pháp Lôi
	Chùa Lương Hội	Thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động	Tứ Pháp

	Chùa Đồng Lý	Xã Đồng Lý, huyện Kim Động	Pháp Lôi
	Chùa Đại Hạnh	Xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ	Tứ Pháp
	Chùa Thừa	Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào	Pháp Vân
	Đền Vĩnh Hưng	Thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ	Pháp Vân, Thạch Quang Phật
	Chùa Tó	Xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ	Pháp Vân
	Đình Vô Ngại	Xã Ngọc Lâm, huyện Mỹ Hào	Pháp Vũ
	Chùa Tam Liêu	Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ	Tứ Pháp
	Chùa Pháp Vân	Xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ	Pháp Vân
	Chùa Liêu Thượng	Xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ	Pháp Vũ
	Chùa Thanh Xá	Xã Thanh Xá, huyện Yên Mỹ	Pháp Vũ
	Chùa Yên Phú	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ	Pháp Điện
5. Hà Nam (4 di tích)	Chùa Quế Lâm (chùa Bến)	Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng	Pháp Vân
	Chùa Đặng Xá	Xã Văn Xá, huyện Kim Bảng	Pháp Lôi
	Chùa Bầu	TP. Phủ Lý	Pháp Điện
	Chùa Quyền Sơn	Xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng	Tứ Pháp

Bảng thống kê trên cho chúng ta thấy, địa phương có nhiều di tích thờ Tứ Pháp nhất là Hưng Yên (21 di tích), ít nhất là Bắc Giang (2 di tích). Đối với Hưng Yên, tập trung chủ yếu ở các huyện phía Bắc của tỉnh (huyện Văn Lâm, Yên Mỹ, Mỹ Hào), ở những làng nằm quây quần trên dòng sông Nghĩa Trụ và các chi lưu của nó. Do vậy, khi Tứ Pháp xuất hiện thì người dân rất hưởng ứng, đón nước phép Phật ban cho, mong luôn luôn được phong đăng hòa cốc, an cư lạc nghiệp. Ngoài ra, xét trên phương diện địa lý, những vùng thờ Tứ Pháp này có vị trí tiếp giáp với thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh - trung tâm gốc của tín ngưỡng thờ Tứ Pháp.

Nhìn chung, căn cứ theo những tài liệu niên đại ở các chùa thờ Tứ Pháp, chúng ta sẽ thấy sự hình thành các chùa thờ Tứ Pháp ở các vùng có sự khác nhau về thời gian. Song hầu hết các ý kiến nghiên cứu đi trước đều cho rằng, hệ thống chùa Tứ Pháp ở Bắc Ninh được ra đời sớm nhất. Theo Nguyễn Mạnh Cường: Quá trình hình thành hệ thống Tứ Pháp hay cái cơ tầng tâm linh Việt - Ấn có những yêu cầu bức bách của xã hội lúc đó mà đáng lưu ý nhất là giai đoạn Sỷ Nhiếp hay Sỷ Vương làm Thái thú ở Luy Lâu từ năm 187 sau CN đến năm 225 sau CN[7]. Về sau, các chùa Tứ Pháp lan tỏa ra các vùng lân cận, chủ yếu xây dựng

vào thời Lý (TK XI - XII), thời kỳ ở nước ta Phật giáo cực thịnh hoàng kim cùng với nhu cầu huy động những giá trị văn hóa truyền thống trong công cuộc xây dựng quốc gia độc lập.

Thần tích của các chùa thờ Tứ Pháp, ngoài một vài chùa lấy từ Báo cực truyện còn lại đều lấy từ sự tích Man Nương ở chùa Dâu. Những sai dị đều thuộc về chi tiết, như tuổi của Man Nương khi cho tạc tượng Tứ Pháp, nói chung cũng không quan trọng lắm. Các chùa phần lớn cũng đều xin chân hương, xin duệ hiệu từ chùa Dâu về thờ. Vì thế tỉnh có nhiều chùa Tứ Pháp và giữ được tục lệ đúng như nơi phát tích chính là Hưng Yên, vùng này vốn gần Bắc Ninh và có một số làng trước thuộc Bắc Ninh.

Nói chung việc thờ Tứ Pháp chủ yếu gắn liền với việc cầu mưa cầu tạnh, đúng là đậm tính chất tín ngưỡng của xã hội lấy nông nghiệp làm căn bản. Nhưng căn cứ trên những ghi chép thì thấy nội dung tín ngưỡng Tứ Pháp đã có sự mở rộng. Các nơi thờ Tứ Pháp cũng giúp dân từ tật dịch, có nơi giúp dân đánh giặc Minh (giúp Lê Lợi), giúp dẹp những cuộc nội loạn, như Đinh Tiên Hoàng cầu giúp đánh dẹp 12 Sứ quân, Lê Lợi trước khi khởi nghĩa cũng cầu mở nghiệp ở chùa Pháp Vũ (Hà Nam); còn trong các chùa làng thì người dân cầu phúc, cầu sức khỏe, cầu bình an cầu mưa cầu nắng cũng không phân biệt gì.

Bảng thống kê trên cho ta thấy các cụm chùa Tứ Pháp được phân bố rải rác từ trung tâm vùng Dâu, sang Văn Lâm (Hưng Yên), vùng Thường Tín (Hà Nội), vùng Kim Bảng (Hà Nam).

Cụm vùng Dâu, chùa Pháp Vân – Thuận Thành – Bắc Ninh

Chùa Dâu (Diên Ứng tự, Cổ Châu tự, Thiên Định tự)	Xã Thanh Khương, thị xã Thuận Thành	Pháp Vân (Bà Dâu)
Chùa Đậu (Thành Đạo tự)	Xã Thanh Khương, thị xã Thuận Thành	Pháp Vũ (Bà Đậu)
Chùa Tướng (Phi Tướng Đại Thiên tự)	Xã Thanh Khương, thị xã Thuận Thành	Pháp Lôi (Bà Tướng)
Chùa Dàn (Xuân Quang)	Xã Trí Quả, thị xã Thuận Thành	Pháp Điện (Bà Dàn)

Cụm Thái Lạc, chùa Pháp Vân - Văn Lâm, Hưng Yên

Chùa Thái Lạc	Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm	Pháp Vân
Chùa Hồng Cầu	Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm	Pháp Vũ
Chùa Nhạc Miếu	Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm	Pháp Lôi
Chùa Hồng Thái	Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm	Pháp Điện

Cụm Lạc Đạo, chùa Pháp Vân - Văn Lâm, Hưng Yên

Chùa Pháp Vân	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm	Pháp Vân
Chùa Hoảng	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm	Pháp Vũ
Chùa Hương Đạo	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm	Pháp Lôi
Chùa Tân Nhuế	Xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm	Pháp Điện

Cụm thị trấn Quế, chùa Bến (Quế Lâm tự) – Kim Bảng, Phủ Lý, Hà Nam

Chùa Quế Lâm (chùa Bến)	Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng	Pháp Vân
Chùa Đặng Xá	Xã Văn Xá, huyện Kim Bảng	Pháp Lôi
Chùa Bầu	TP. Phủ Lý	Pháp Điện
Chùa Quyền Sơn	Xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng	Tứ Pháp

Ngoài ra, các bộ Địa chí quan trọng cũng cho biết về cụm di tích Tứ Pháp nổi bật với chùa Đậu (Thành Đạo tự) ở huyện Thượng Phúc, nay là huyện Thường Tín, Hà Nội. Các bộ địa chí Đại Nam nhất thống chí (Hv.140, Viện Sử học), Đồng Khánh địa dư chí (A.537, tờ 48-49a), Hà Nội địa dư (A.1154, tờ 52a), Hà Nội sơn xuyên phong vực (A.541, tờ 55a) đều ghi nhận cụm chùa Tứ Pháp: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi và Pháp Điện ở hai xã Văn Giáp và Gia Phúc, nay là xã Văn Bình và xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, Hà Nội.

Chùa Pháp Vân	Xã Văn Bình, huyện Thường Tín	Pháp Vân
Chùa Pháp Vũ (chùa Đậu, Thành Đạo tự)	Xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín	Pháp Vũ
Chùa Pháp Lôi	Xã Văn Bình, huyện Thường Tín	Pháp Lôi
Chùa Pháp Điện	Xã Văn Bình, huyện Thường Tín	Pháp Điện

Quá trình lan tỏa của tín ngưỡng Tứ Pháp trong lịch sử, có một số đặc điểm mà qua thư tịch và phân bố di tích chúng ta dễ nhận ra. Trước hết, sự lan tỏa của tín ngưỡng Tứ Pháp là lan và tỏa ra xung quanh theo kiểu lấn ra và liền tiếp. Xu hướng của sự lan tỏa tín ngưỡng Tứ Pháp là lan tỏa theo cụm, tức là mỗi nơi đều hình thành các cụm chùa Vân – Vũ – Lôi – Điện, và cùng với đó là các nghi lễ rước xách trong cụm di tích đảm bảo tính liên kết của một cộng đồng tín ngưỡng. Về nghi lễ và rước xách cũng như lễ hội, mỗi nơi lại có thể có thêm các nghi lễ mới so với gốc vùng Dâu, trường hợp lễ rước và hội chùa Thái Lạc ở huyện Văn Lâm, Hưng Yên là một ví dụ.

Tín ngưỡng Tứ Pháp lan tỏa đến đâu, thần tích, ngũ lục, ngọc phả, thực lục lan tỏa đến đó bằng các sao lục về thờ, coi đó là phần hồn của di tích. Vì các địa điểm mới chưa thể có hoặc không thể có các “dấu tích” gắn với Man Nương và Tứ Pháp, nên việc sao chép thần tích gần như nguyên vẹn về thờ. Kết quả của việc sao lục này cho thấy các bản thần tích ở “vùng lan tỏa” bảo lưu được nhiều bản thực lục, ngũ lục, phả lục mà ngay trong vùng lõi cũng không còn giữ được. Bên cạnh việc sao lục trên giấy, thực lục Tứ Pháp còn được khắc trên những lá đồng, trở thành những cuốn sách đồng càng tôn thêm sự linh thiêng cho di tích.

Việc phổ biến Thánh tích, Phật tích Tứ Pháp còn được thấy ở việc người ta diễn Nôm các tác phẩm chữ Hán kể sự tích của Tứ Pháp. Đó là các bản Tứ Pháp ngọc phả Quốc âm lưu giữ ở chùa Bầu (Thiên Bảo tự), TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam hoặc Tứ Pháp diệu quyết bảo sám chân kinh lưu giữ tại chùa Hối (Linh Ứng tự), thôn Cao Dương, xã Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Sự lan truyền tín ngưỡng Tứ Pháp còn ghi nhận có thêm thần tích về một vị thần mới trong hệ thống Tứ Pháp. Đó là thần Pháp Phong chủ quản về gió. Đó là bản thần tích của xã Đình Xá, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam có tên Pháp Phong Đại Thánh ngọc phả lục(AE a13/21).

Bên cạnh đó, các trung tâm Tứ Pháp và các di tích Tứ Pháp ở ngoại vi cũng đã “tĩnh lược” đi một số vị thần thuộc hệ thống Tứ Pháp. Khi Tứ Pháp được lan tỏa ra ngoài vùng Dâu thì một số vị thần như Thạch Quang (Thạch Quang Phật), Đức Thánh Tản hay Kim Đồng, Ngọc Nữ không còn nữa. Đài thờ, điện thần chỉ còn 4 vị: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện.

Các chùa ở vùng ngoại vi của Dâu cũng có khoa nghi Tứ Pháp với các nghi lễ, đàn cúng, ngày Thánh đàn và các bài văn cầu đảo và lễ tạ riêng. Sách Lịch đại phong tạng mỹ tự 𑖀𑖩𑖩𑖩𑖩 (VHv.1306), bản chép tay, gồm 230 trang chính là cuốn sách của xã Văn Giáp, huyện Thường Tín, Hà Nội, được sử dụng trong các nghi lễ ở các đền chùa Tứ Pháp.

Lời kết

Tín ngưỡng Tứ Pháp bắt nguồn từ một câu chuyện về cuộc gặp gỡ giữa Khâu Đà La – một vị sư đến từ Ấn Độ và một cô gái Giao Châu là Man Nương. Từ cuộc gặp gỡ đó đã nảy sinh bao huyền tích, được bồi đắp qua lời truyền tụng trong dân gian và sau đó sớm được văn bản hóa bằng các thư tịch. Luy Lâu (Cổ Châu, Liên Lâu, Siêu Loại) sớm trở nên một đô thị cổ phồn thịnh và đây ấp huyền thoại.

Ngự trị trên đàn thờ ở buổi đầu là Nữ thần Amman, tên gọi trong tiếng Tamil của một Nữ thần mẹ nổi tiếng với trách nhiệm chính là ban mưa. Amman đã và đang là vị nữ thần mẹ và nữ thần mưa nổi tiếng của những người Tamil ở miền Nam Ấn Độ. Việc thờ cúng và duy trì tín ngưỡng thờ Amman do cộng đồng các nhà tu hành đến từ Ấn Độ thực hiện và duy trì.

Từ đời Lý, việc thờ nữ thần Amman đã được chuyển hóa thành tín ngưỡng Tứ Pháp và được triều đình sùng tín và trân trọng. Các triều đại sau đó, ở các mức độ khác nhau, tín ngưỡng Tứ Pháp vẫn được duy trì với các nghi lễ mang tính quốc gia, với các lễ rước của cả vùng. Các triều đại tiếp nối nhau ban tặng sắc phong và ban Tọa lỵ cho dân tổng Thanh Khương, nơi có chùa Dâu nổi tiếng. Sự tiếp nối liên tục được bảo bộ từ triều đình được duy trì, đi liền với sự mở rộng địa bàn lan tỏa của tín ngưỡng và điện thờ Tứ Pháp ở một vùng trải mấy tỉnh ở châu thổ Bắc bộ càng khẳng định vị trí của tín ngưỡng đặc sắc này.

Từ 2000 năm nay, mặc dù Phật giáo hóa, Nho giáo hóa và bản địa hóa, tuy nhiên đàn thờ của Tứ Pháp vốn ban đầu là thờ Nữ thần Mưa vẫn nghiêm nhiên tồn tại, gần như không có sự thay đổi. Dù có gọi là Phật, nhưng Tứ Pháp vẫn độc lập với Phật điện. Chùa Dâu và các chùa Tứ Pháp mặc dù vẫn có đầy đủ hệ thống tượng Phật, nhưng trên đàn thờ của Tứ Pháp vẫn luôn riêng biệt. Trên đàn thờ, và ở vị trí cao nhất hoặc quan trọng nhất vẫn chỉ có một trong 4 vị Tứ Pháp mà thôi. Gọi là chùa, gọi là Phật nhưng đàn thờ vẫn độc lập. Sự tồn tại Tín ngưỡng Tứ Pháp với đàn thờ, tượng pháp cho thấy ở đây thực sự là gần như là “hóa thạch ngoại biên” của Hindu giáo cổ xưa.

Tác giả: **Nguyễn Xuân Diện** - Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Tài liệu tham khảo

Tài liệu Tiếng Việt:

1. Nguyễn Thị Anh (2024), Tìm hiểu tín ngưỡng thờ Tứ Pháp ở thời Lý qua Đại Việt sử ký toàn thư. Tạp chí Hán Nôm số 5.
2. Trần Thị Kim Anh (2023), Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp của người Việt trong mối liên hệ với các tín ngưỡng Ấn Độ cổ, Tạp chí Hán Nôm số 4.
3. Nguyễn Mạnh Cường (2000), Chùa Dâu - Tứ Pháp và hệ thống các chùa Tứ Pháp, Nxb. KHXH, H., 190 tr.
4. Nguyễn Xuân Diện - Nguyễn Quốc Khánh (2025), Tổng quan tài liệu Hán Nôm về tín ngưỡng Tứ Pháp tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Tạp chí Hán Nôm số 2.
5. Nguyễn Thanh Hà (2024), Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp - sự hỗn dung giữa Phật giáo Ấn Độ với tín ngưỡng dân gian bản địa của người Việt, Tạp chí Nghiên cứu Triết học số 6(15).
6. Nguyễn Quang Hà (2004), "Tìm hiểu thêm về lịch sử chùa Dâu (Thuận Thành, Bắc Ninh)", Thông báo Hán Nôm học 2004, VNCHN, tr.181-201.
7. Nguyễn Duy Hình (1999), Tư tưởng Phật giáo Việt Nam, Nxb. KHXH, H., 812 tr.
8. Nguyễn Duy Hình (2005), Văn minh Đại Việt. Nxb. VHTT & Viện Văn hóa, H., 958 tr.
9. Nguyễn Quang Hồng (1995) Bộ ba ván khắc Cổ Châu lục, Cổ Châu hạnh, Cổ Châu nghi và văn hiến Hán Nôm chùa Dâu, Tạp chí Hán Nôm số 2(23).
10. Nguyễn Quang Hồng (chủ biên, 1997), Di văn chùa Dâu, Nxb. KHXH, H., 190 tr và các phụ lục.
11. Nguyễn Thị Huế (1992), Từ Phật Mẫu Man Nương đến Thánh Mẫu Liễu Hạnh, Tạp chí Văn học số 5, tr.50-53.
12. Thích Đàm Huệ (2021), Sơ khảo về tín ngưỡng thờ Tứ Pháp và văn bản Tứ Pháp ngọc phả quốc âm, Kỷ yếu Nghiên cứu Hán Nôm năm 2021, Nxb. Thế Giới, H.,.
13. Nguyễn Văn Huyền (1996), "Chống hạn trong tập quán Việt Nam: Đền thờ Pháp Vũ - nữ thần mưa. Tục thờ Pháp Vũ - nữ thần mưa", trong sách Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam, Tập II, Nxb. KHXH, H., tr.419-457.
14. Keith Weller Taylor (2020), Việt Nam thời dựng nước, Thiếu Khanh dịch, Nxb. Dân trí, H., 571 tr.
15. Nguyễn Quốc Khánh (2024), Tìm hiểu nghi lễ thực hành tín ngưỡng Tứ Pháp qua văn bản Hán Nôm. Kỷ yếu Nghiên cứu Hán Nôm năm 2024, Nxb. Thế Giới, H.,.
16. Võ Thị Hoàng Lan (2012), Về tục thờ Tứ Pháp của người Việt, Tạp chí Di sản văn hóa, số 2(39).

17. Nguyễn Lang (2000), Việt Nam Phật giáo sử luận. Nxb. Văn học, H.
18. Nguyễn Bá Lăng (1972), Kiến trúc Phật giáo Việt Nam, Tập I, Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản, Sài Gòn, 130 tr.
19. Nguyễn Bá Lăng (1971), “Sắc thái kiến trúc Phật giáo Việt Nam thời Bắc thuộc”, Việt Nam khảo cổ tập san, Phủ Quốc Vụ khanh đặc trách Văn hóa, Saigon, số VII, tr. 57-105.
20. Lê Việt Nga (1993), Văn bản Cổ Châu Phật bản hạnh, Tạp chí Hán Nôm số 3 (16), tr.62-66.
21. Nguyễn Tiến Sơn (Sa môn Thích Di Sơn biên dịch, 2024), Khoa nghi Tứ Pháp (Khoa cúng, Bản hạnh, Ngũ lục, Bảo sám), Nxb. Tôn giáo, H., 162 tr.
22. Sự tích Đức Phật Chùa Dâu (1994), Sưu tầm và biên soạn: Nguyễn Quang Hồng, Lã Minh Hằng, Nguyễn Tá Nhí, Cung Văn Lược, Nxb. VHTT, H., 50 tr.
23. Nguyễn Thị Oanh (2024), Lĩnh Nam chích quái - Khảo luận, Dịch chú, Nguyên bản chữ Hán, Nxb. KHXH, H.
24. Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long, Chùa Việt Nam (2010), In lần thứ tư có bổ sung, sửa chữa, giới thiệu 118 ngôi chùa trong toàn quốc, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 522 tr.
25. Lê Mạnh Thát (2021), Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh, Tái bản có bổ sung, Nxb. Hồng Đức, H., 830 tr.
26. Lê Mạnh Thát (2023), Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Tập 1 - Từ Khởi Nguyên đến thời Lý Nam Đế (544), Tái bản có bổ sung 2023, Nxb. Đồng Nai, 755 tr. Tham khảo chương III: Khâu Đà La, Man Nương và Đức Phật Pháp Vân, từ tr. 138 - 166.
27. Lê Mạnh Thát (2006) Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Tập 2 - Từ Lý Nam Đế (544) đến Lý Thái Tông (1054), Tái bản có bổ sung 2023, Nxb. Đồng Nai, 799 tr.
28. Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga (dịch, 1990), Thiền uyển tập anh (1990), Nxb. Văn học, H., 176 tr.
29. Đinh Khắc Thuân (chủ biên, 2009), Địa phương chí tỉnh Bắc Ninh qua tư liệu Hán Nôm, VNCHN, Nxb. KHXH, H., 667 tr.
30. Nguyễn Đăng Thục (1970), “Phật học Giao - Châu với sách “Lý - hoặc - luận” của Mâu-Bác”, Việt Nam khảo cổ tập san, Phủ Quốc Vụ khanh đặc trách Văn hóa, Saigon, số 6, tr.103-126.
31. Nguyễn Tài Thư (chủ biên) Lịch sử Phật giáo Việt Nam. Nxb. KHXH, H., 1988.
32. Phan Cẩm Thượng (2002), Chùa Dâu và Nghệ thuật Tứ Pháp, Nxb. Mỹ thuật, H., 279 tr.
33. Vũ Quỳnh - Kiều Phú (1960), Lĩnh Nam chích quái truyện cổ dân gian Việt Nam (sưu tập từ thế kỷ XV), Đinh Gia Khánh - Nguyễn Ngọc San phiên dịch, chú thích và giới thiệu, Nxb. Văn hóa - Viện Văn học, H., 140 tr.

Tài liệu thư tịch Hán Nôm:

1. Bắc Ninh phong thổ tạp ký [] (A.425)
2. Bắc Ninh tỉnh chí [] (A. 569)
3. Bắc Ninh tỉnh địa dư [] (A.590, tờ 72)
4. Bắc Ninh toàn tỉnh địa dư chí [] (A.2889)
5. Bắc thành địa dư chí lục [] (A.1565/1, tờ 116a)
6. Cổ Châu Pháp Vân Phật bản hạnh ngữ lục [] (A.818)
7. Cổ Châu Phật bản hạnh [] , lưu giữ tại chùa Dâu.
8. Cổ Châu Tứ Pháp phả lục [] (A.2051)
9. Đại Nam nhất thống chí [] (A69//1, tờ 48-49a)
10. Hiến Cổ Châu Phật tổ nghi [] , lưu giữ tại chùa Dâu.
11. Lịch đại phong tặng mỹ tự [] (VHv.1306)
12. Pháp Vũ tự thực lục [] (A.2933)
13. Thánh tích thực lục [] (A.1067)
14. Tứ Pháp ngọc phả quốc âm [] (A.2051)
15. Việt điện u linh [] (A.751)

Tài liệu ngoại văn:

1. Kiều Thị Vân Anh [] (2010), [] [Nghiên cứu các nữ thần Phật giáo miền Bắc Việt Nam], Luận án Tiến sĩ ngành Tôn giáo học, Đại học Dân tộc Trung ương, Trung Quốc.
2. Hứa Văn Đường [] (2021), “[] ”
[Truyền thuyết về Bà Man Nương và giai đoạn đầu du nhập Phật giáo vào Việt Nam và quá trình bản địa hóa.] [] [Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo Đài Loan], tập 20, số 2, tr. 81-106.
3. Nguyễn Văn Huyền (1944), La lutte contre la sécheresse, dans la tradition annamite. Le temple de Phap-Vu, déesse de la pluie ; Le culte de Phap-Vu, déesse de la pluie ; Une injonction adressée au Dieu de la Pluie [Chống hạn trong tập quán An Nam. Đền Pháp Vũ thờ nữ thần mưa. Thần Pháp Vũ – nữ thần mưa; Một sắc phong vị thần Mưa]. Bản thảo đánh máy, Conseil des recherches et études historiques, juridiques et sociales [Ủy ban tư vấn các nghiên cứu và khảo sát lịch sử, pháp lý và xã hội], 1944.
4. Koppen, Yasmin (2024), East Asian Landscapes and Legitimation: Localizing Authority Through Sacred Sites in China and Vietnam [Cảnh quan và sự chính danh ở Đông Á: Bản địa hóa quyền năng thông qua các địa điểm linh thiêng ở Trung Quốc và Việt Nam], Berlin: Frank & Timme.
5. Taylor, Keith W. (2018), “What Lies Behind the Earliest Story of Buddhism in Ancient Vietnam” [Những điều ẩn sau câu chuyện sớm nhất của Đạo Phật ở Việt Nam thời cổ đại], The Journal of Asian Studies [Tạp chí Nghiên cứu châu Á], tập 77, số 1, tr. 107-122.

Chú thích:

- [1] Nguyễn Văn Huyền trong bài thuyết trình năm 1944 tại Bảo tàng Louis Finot cho biết: biết “theo điều tra của tôi ở Bắc Kỳ, hiện nay có 39 làng có đền thờ chính thờ một trong bốn vị thần được gọi chung TỨ PHÁP (bốn vị nữ thần)”. Xem Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam, Tập II, Nxb. KHXH. H., 1996, tr.444.
- [2] Quốc Sử quán triều Nguyễn (1971), Đại Nam nhất thống chí, , Tập 4, Nxb. KHXH, H., tr.109.
- [3] Lệnh chỉ ㄱ ㄴ là loại văn bản hành chính mang tính chất nhà nước, do vua chúa ban ra để yêu cầu thi hành một luật lệnh của nhà nước. Thời Lê Trung hưng, vua Lê ban sắc phong, chúa Trịnh ban lệnh chỉ để thể chế hóa sắc phong. Vì vậy, ở Việt Nam, chỉ có thời Lê Trung hưng mới có lệnh chỉ. Các từ điển của Trung Quốc, kể cả Từ hải không có từ Lệnh chỉ.
- [4] Chùa Pháp Vũ, còn có tên là Thành Đạo tự, tên Nôm là chùa Đậu, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, Hà Nội.
- [5] Chùa Diên Ứng còn có tên là Pháp Vân tự, tên Nôm là chùa Dâu, xã Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
- [6] Nguyễn Văn Huyền (1944), La lutte contre la sécheresse, dans la tradition annamite. Le temple de Phap-Vu, déesse de la pluie ; Le culte de Phap-Vu, déesse de la pluie ; Une injonction adressée au Dieu de la Pluie [Chống hạn trong tập quán An Nam. Đền Pháp Vũ thờ nữ thần mưa. Thần Pháp Vũ – nữ thần mưa; Một sắc phong vị thần Mưa]. Bản thảo đánh máy, Conseil des recherches et études historiques, juridiques et sociales [Ủy ban tư vấn các nghiên cứu và khảo sát lịch sử, pháp lý và xã hội], 1944.
- [7] Nguyễn Mạnh Cường (2003), Chùa Dâu - Tứ Pháp và hệ thống các chùa Tứ Pháp, Nxb. KHXH, H., tr.63.